

Số: 24 /NQ-HĐND

Vu Gia, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và phân bổ vốn
đối ứng ngân sách xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới năm 2026 trên địa bàn xã Vu Gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VU GIA
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 04**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hai quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2026 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND thành phố về việc giao bổ sung có mục tiêu cho UBND các xã, phường dự toán chi thường xuyên từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách thành phố đã chuyển nguồn tập trung tại ngân sách thành phố năm 2025 sang năm 2026 để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố về việc điều chỉnh phương án sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố năm 2025 và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của UBND thành phố về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 được chuyển nguồn và kéo dài sang năm 2026 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 của UBND thành phố về việc điều chỉnh phương án sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố năm 2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2026 hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, phường, hỗ trợ theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025, Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND thành phố;

Sau khi xem xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 11/8/2026 của UBND xã Vu Gia; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và phân bổ vốn đối ứng ngân sách xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2026 trên địa bàn xã Vu Gia với tổng kinh phí: 24.315.656.000 đồng (Hai mươi bốn tỉ, ba trăm mười lăm triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng), gồm:

- Vốn ngân sách thành phố phân bổ: 20.702.664.000 đồng
- Vốn đối ứng từ ngân sách xã: 3.612.992.000 đồng (tỷ lệ đối ứng ngân sách xã: 17,45%). Trong đó:

1. Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp:

- Tổng nguồn vốn đề nghị phân bổ: 7.186.110.000 đồng, gồm:

+ Ngân sách thành phố: 6.000.000.000 đồng;

+ Ngân sách xã đối ứng: 1.186.110.000 đồng.

(Danh mục và mức vốn cụ thể theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Phân bổ nguồn vốn đầu tư:

- Tổng nguồn vốn đề nghị phân bổ: 17.129.546.000 đồng, gồm:

+ Ngân sách thành phố: 14.702.664.000 đồng;

+ Ngân sách xã đối ứng: 2.426.882.000 đồng.

(Danh mục và mức vốn cụ thể theo Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Vu Gia khóa II, kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Thường trực HĐND, UBND TP Đà Nẵng;
- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng;
- Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, CVHĐ *Handwritten signature*



CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Hoà

Phụ lục 01
DANH MỤC CÔNG TRÌNH/NHIỆM VỤ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND, ngày 14/8/2026 của Hội đồng nhân dân xã Vu Gia)

STT	Tên công trình/nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tổng kinh phí	Trong đó:			Thời gian
					NSTW	NS Thành phố	NS xã	
I	Tiêu chí 2.1: Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm... Tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt >50%							
1	Lắp đặt biển báo giao thông (biển chỉ dẫn, nguy hiểm,...) và các nội dung khác đảm bảo đường đạt tiêu chuẩn cấp B	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	250.000.000		220.000.000	30.000.000	2026
2	Nâng cấp tuyến đường số 01 thôn Lâm Yên	Văn phòng HDND-UBND	Thôn Lâm Yên	1.938.448.000		1.200.000.000	738.448.000	2026-2027
3	Nâng cấp tuyến đường GT nội đồng thôn Mỹ Tân (đoạn trại chăn nuôi bà Nhung ra đồng)	Văn phòng HDND-UBND	Thôn Mỹ Tân	675.993.000		500.000.000	175.993.000	2026-2027
4	Nâng cấp đường GTNT từ nhà Võ Ngọc Hà đến nhà Đỗ Bảy	Văn phòng HDND-UBND	Thôn TD-GN	381.054.000		300.000.000	81.054.000	2026-2027
5	Trồng cây xanh trên các tuyến đường DX trên địa bàn xã	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	350.000.000		300.000.000	50.000.000	2026
II	Tiêu chí 2.3: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ							
1	Mua sắm trang thiết bị và tuyến truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	40.000.000		40.000.000		0 2026
III	Tiêu chí 2.5: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn							
1	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục tại chợ Gia Cốc	Trung tâm cung ứng DVSN	Xã Vu Gia	400.000.000	400.000.000			0 2026-2027

Tiêu chí 3.2: Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm						
IV	Dự án liên kết chuỗi giá trị sản xuất lúa giống HTX NN Đại Cường	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	300.000.000	263.330.000	36.670.000 2026
V	Tiêu chí 3.3: Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả					
1	Mô hình thí điểm rau hữu cơ ứng dụng CNSH tại xã Vu Gia	Phòng Kinh tế	Thôn Mỹ Hảo	350.000.000		0 2026
2	Mô hình chế biến phân hữu cơ trên địa bàn xã Vu Gia	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	500.000.000	400.000.000	100.000.000 2026
VI	Tiêu chí 3.4: Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng thể mạnh của địa phương					
1	Triển khai chương trình OCOP	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	30.000.000	30.000.000	0 2026
VII	Tiêu chí 3.8: Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi					
1	Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”.	Hội Nông dân	Xã Vu Gia	150.000.000	136.670.000	13.330.000 2026
VIII	Tiêu chí số 6.4: Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”					

	Mô hình phân loại rác thải theo mô hình "5 không, 3 sạch, 3 an"	Hội Phụ nữ xã	Xã Vu Gia	65.000.000		65.000.000	0	2026
	Mô hình 3 tuyến đường hoa thực hiện mô hình "5 không, 3 sạch, 3 an"	Hội Phụ nữ xã	Thôn: Thanh Vân, Quảng Đại, Gia Huệ	90.000.000		90.000.000	0	2026
	Chi tập huấn, tuyên truyền theo mô hình "5 không, 3 sạch, 3 an"	Hội Phụ nữ xã	Xã Vu Gia	35.000.000		35.000.000	0	2026
IX Tiêu chí 7.3: Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử								
	Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	100.000.000		100.000.000		2026
X Tiêu chí 7.4: Có mô hình thôn thông minh								
	Mô hình thôn NTM thông minh	Phòng Văn hóa - Xã hội	Xã Vu Gia	250.000.000		250.000.000		2026
XI Tiêu chí 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn								
	Mô hình tuyến đường hoa DH4 và Tuyến số 13 thôn Phú Phước	Phòng Kinh tế	Thôn: Lâm Yên, Phú Phước	200.000.000	175.000.000		25.000.000	2026
	Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và hỗ trợ hầm biogas cho các hộ chăn nuôi	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	250.000.000		250.000.000		2026
XII Tiêu chí 10.1: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật								
	Hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Văn phòng HDND-UBND	Xã Vu Gia	35.000.000		35.000.000		2026
XIII Hợp phần I, Nội dung thành phần 8								

1	Nội dung 05: Chương trình hỗ trợ Thanh Niên khởi nghiệp, "Tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM"	Đoàn Thanh niên xã	Xã Vu Gia	50.000.000	50.000.000	0	2026
XIV	Hợp phần I, Nội dung thành phần 10						
1	Nội dung 02: Chi hoạt động cho BCD: In sổ tay tài liệu cho thành viên BCD, thôn, thành phần liên quan; Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	80.000.000	80.000.000	0	2026-2027
2	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM...	Trung tâm cung ứng DVSN	Xã Vu Gia	150.000.000	150.000.000	0	2026
XV	Xã có ít nhất 30% thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới						
1	Xây dựng thôn nông thôn mới tại 4 thôn	Phòng Kinh tế	Xã Vu Gia	680.000.000	580.000.000	100.000.000	2026-2027
TỔNG CỘNG							
				7.350.495.000	5.011.670.000	1.350.495.000	

Phụ lục 02

DANH MỤC CÔNG TRÌNH/NHIỆM VỤ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND, ngày 14/8/2026 của Hội đồng nhân dân xã Vu Gia)

ĐVT: đồng

TT	Tên công trình/nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô công trình	Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Thời gian thực hiện
						Ngân sách TW	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã đối ứng	
I	Tiêu chí 2.1: Hệ thống đường GTNT trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm, tỷ lệ đường xã đạt chuẩn quy hoạch								
1	Đường bê tông nội đồng từ Hồ Sen đến mương tiêu T1	Văn phòng HDND-UBND	Quảng Đại	Chiều dài 299,3m, bề rộng mặt đường 3m	717.000.000		600.000.000	117.000.000	2026 - 2027
2	Đường bê tông ND3 nối DX5 thôn Ô Gia đến giáp DX12 Khương Mỹ	Văn phòng HDND-UBND	Ô Gia	Chiều dài 712,58m, bề rộng mặt đường 3m	1.755.000.000		1.600.000.000	155.000.000	2026 - 2027
3	Tuyến đường số 7, từ ruộng Nguyễn Thị Lan đến bờ kè	Văn phòng HDND-UBND	Mỹ Hào	Chiều dài 366,59m, bề rộng mặt đường 3m	810.000.000		700.000.000	110.000.000	2026 - 2027
4	Đường nội đồng từ tuyến đường số 7 đến giáp đường DX12 Khương Mỹ	Văn phòng HDND-UBND	Phú Phước	Chiều dài 200m. Mặt đường: 3,5m, lề: 2x0,5m = 1m.	580.745.000		500.000.000	80.745.000	2026 - 2027

5	Đường giao thông nội đồng làng Mỹ Phầm	Văn phòng HĐND-UBND	Khương Mỹ	Đường bê tông dài 442m rộng 3m dày 18cm	1.074.372.000		1.000.000.000	74.372.000	2026 - 2027
6	Kênh Quảng Đại 2 cũ (từ nhà ông Phan Công Nén đến mương T1)	Văn phòng HĐND-UBND	Quảng Đại	Chiều dài L=362,75m	514.000.000		480.000.000	34.000.000	2026 - 2027
7	Đường số 17 nối dài đường tránh lũ	Văn phòng HĐND-UBND	Phú Phước	Chiều dài L=77,79m. Bề rộng mặt đường: 3,0m. Bề rộng lề đường: 2x0,5m = 1,00m	284.794.000		240.000.000	44.794.000	2026 - 2027
8	Nâng cấp tuyến đường số 4 từ ĐT609C đến giáp kênh chính	Văn phòng HĐND-UBND	Gia Huệ	Chiều dài 332,61m, dự tính làm đường 5m, lề 0,5x2 = 1m	1.414.924.000		1.200.000.000	214.924.000	2026 - 2027
9	Tuyến đường GTND khu vực đồng Kè	Văn phòng HĐND-UBND	Mỹ Tân	Chiều dài L=381,04m. Bề rộng mặt đường: 3,0m. Bề rộng lề đường: 2x0,5m = 1,00m	1.069.139.000		900.000.000	169.139.000	2026 - 2027

10	Đường nội đồng 13 đi nội đồng 16	Văn phòng HDND-UBND	Tây Gia	Đường bê tông dài 543m rộng 3m dày 18cm	1.399.044.000		1.040.000.000	359.044.000	2026 - 2027
11	Tuyến giao thông từ nhà ông Bé đến nhà ông Huỳnh Sáu	Văn phòng HDND-UBND	Khương Mỹ	Đường bê tông dài 200m rộng 5m dày 20cm	925.754.000		700.000.000	225.754.000	2026 - 2027
12	Đường bê tông nội đồng bãi bồi làng Phúc Khương	Văn phòng HDND-UBND	Khương Mỹ	Chiều dài 428,69m, bê tông rộng 3,5m	947.000.000		770.000.000	177.000.000	2026 - 2027
13	Kênh tưới trạm bơm Thuận Mỹ	Văn phòng HDND-UBND	Mỹ Tân	Chiều dài 817m, muong BTCT	1.661.000.000	1.500.000.000	-	161.000.000	2026 - 2027
14	Nâng cấp đường từ nhà ông Phan Văn Ba đến nhà ông Đỗ Trước	Văn phòng HDND-UBND	Lâm Yên	Chiều dài 268,51m, bê tông mặt đường 5m	1.240.746.000	1.202.664.000	-	38.082.000	2026 - 2027
15	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến DH4.DL (đoạn từ Xường Cá đến Hói Ông Minh)	Văn phòng HDND-UBND	Lâm Yên	Chiều dài 800m	531.643.000		450.000.000	81.643.000	2026
16	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại các tuyến đường liên xã DX1 đi Phú Thuận	Văn phòng HDND-UBND	Mỹ Tân	Chiều dài 998m	205.000.000		205.000.000		2026

17	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời nhà ông Ba Thanh Lâm Yên đi Mỹ Hào	Văn phòng HEND-UBND	Lâm Yên	Chiều dài 619m	115.000.000	115.000.000	-	2026
18	Bổ sung hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các tuyến đường ĐX12 đi Hồ Thiên Lý, ĐX3 Quảng Đại đi Thanh Vân, Ô Gia đi Khương Mỹ và đường bê tông khu vực dinh Bà Phường Chào, tuyến 13 Phú Phước	Văn phòng HEND-UBND	Khương Mỹ, Quảng Đại, Ô Gia, Phú Phước		230.000.000	230.000.000		2026
II	Tiêu chí 2.5: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn							
1	Đầu tư hệ thống PCCC tại các chợ trên địa bàn	Trung tâm cung ứng DVSN	Xã Vu Gia		500.000.000	280.000.000	220.000.000	2026 - 2027
III	Tiêu chí 5.1: Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa							
1	Dụng cụ vui chơi thể thao và giải trí cho người già và trẻ em tại các KVH thôn	Phòng Văn hóa - Xã hội	Khương Mỹ, TD-GN, Mỹ Tân		390.000.000	390.000.000		2026
IV	Tiêu chí 6.3: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn							
1	Hỗ trợ trang bị máy lọc nước 200 hộ (hộ nghèo, cận nghèo và hộ khó khăn khác)	Phòng Kinh tế	xã Vu Gia		600.000.000	600.000.000	-	2026
Tổng cộng					16.965.161.000	2.702.664.000	12.000.000.000	2.262.497.000